

Số 14/2010/TT-BKH

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2010

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2010/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh và đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chi tiết về:

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đối với hộ kinh doanh.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp” là hồ sơ đăng ký thành lập hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của doanh nghiệp.

2. “Hồ sơ đăng ký điện tử” là hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được nộp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, bao gồm đầy đủ các giấy tờ theo quy định như hồ sơ giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

3. “Chữ ký điện tử” được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số kí hiệu hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách logic với hồ sơ điện tử, có khả năng xác nhận người ký văn bản điện tử và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với nội dung hồ sơ đăng ký điện tử đã được ký.

4. “Đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp” là chi nhánh, văn phòng đại diện, của doanh nghiệp.

Điều 4. Mã số doanh nghiệp, mã số đăng ký hộ kinh doanh

1. Mã số doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn sau:



a) Mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

b) Cấu trúc mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế. Việc tạo mã số doanh nghiệp thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 26 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

c) Trường hợp doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế, thì doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

2. Mã số đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn sau:

a) Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi mã số đăng ký hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo cấu trúc sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Mã cấp huyện: 01 ký tự, theo Phụ lục VII-2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Mã loại hình: 01 ký tự, 8 = hộ kinh doanh

- Số thứ tự hộ kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999

b) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày ban hành Thông tư này, được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

c) Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày ban hành Thông tư này, một đơn vị cấp huyện giữ nguyên mã chữ cũ và huyện kia được chèn mã tiếp, theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới hoặc do tách đơn vị cấp huyện.

Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh

1. Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được lựa chọn từ Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, trừ những

ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền khẳng định doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký điện tử

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được lưu dưới dạng bản điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đăng ký điện tử) có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bằng văn bản do Phòng Đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.

2. Giấy chứng nhận đăng ký điện tử được Cơ quan Đăng ký kinh doanh sử dụng để xác định tình trạng và nội dung đã đăng ký của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký điện tử lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại cùng thời điểm có nội dung khác biệt so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bằng văn bản, Giấy chứng nhận có giá trị pháp lý là Giấy chứng nhận có nội dung được ghi đúng theo nội dung trong hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp.

Điều 7. Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.



2. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân khác lập trang web với tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Mỗi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ thực hiện nghiệp vụ đối với cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp của địa phương mình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Các tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn hoặc www.businessregistration.gov.vn.

Chương II

ĐĂNG KÝ TÊN DOANH NGHIỆP

Điều 8. Tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được quy định tại Phụ lục VII-1 ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục chữ cái này cũng được sử dụng để đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp và đặt tên hộ kinh doanh.

2. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân không được sử dụng cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp”.

Điều 9. Tên doanh nghiệp đã đăng ký trước khi Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực

1. Các doanh nghiệp có tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ được bổ sung tên địa danh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Việc đăng ký bổ sung tên địa danh vào tên doanh nghiệp để làm yếu tố phân biệt tên doanh nghiệp không được vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.



Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THÔNG BÁO LẬP ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 10. Các mẫu giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh

1. Giấy Đề nghị đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông báo về việc lập, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-1, III-2, III-3 và III-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thông báo của doanh nghiệp về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại Chương V Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-5, III-6, III-7, III-8 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thông báo tạm ngừng kinh doanh quy định tại Điều 57 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Các mẫu giấy tờ do cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông báo về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và các thông báo khác của cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy biên nhận quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thực hiện theo Phụ lục VI-1 và Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Ủy quyền cho người đại diện làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp ủy quyền cho người đại diện của mình nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đề nghị người được ủy quyền xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đăng ký thay đổi trụ sở chính của doanh nghiệp, thành lập mới chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố khác nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

1. Trước khi đăng ký thay đổi trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định chuyển tới, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển địa điểm với cơ quan thuế. Hồ sơ và trình tự, thủ tục kê khai, thông báo với cơ quan thuế thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục kê khai, thông báo với cơ quan thuế, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 35 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Điều 14. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

1. Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần bao gồm các giấy tờ sau:

a. Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty;

b. Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;

c. Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty làm thay đổi nội dung điều lệ công ty, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty không làm thay đổi nội dung của điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại khoản 15 Điều 22 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Điều lệ công ty cổ phần quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và Đại hội đồng cổ đông công ty bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì phải có Quyết định bằng văn bản và bản sao Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là một trong những cá nhân sau:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Trong trường hợp Chủ tịch hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là chủ tịch Hội đồng thành viên mới được Hội đồng thành viên bầu.

b) Chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là cá nhân.

c) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông

báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu.

Điều 15. Thời hạn doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp ra Quyết định (hoặc Nghị quyết) thay đổi các nội dung này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty cổ phần hoặc những người có thẩm quyền trong doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quyết định (hoặc Nghị quyết) bằng văn bản về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong vòng mười ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp quyết định thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Biên bản họp có quy định cụ thể về thời hạn ra Quyết định (hoặc Nghị quyết) khác với thời hạn nêu trên.

Điều 16. Đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới

1. Những doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trước khi Nghị định số 43/2010/NĐ-CP có hiệu lực không bắt buộc phải đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Khi nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải nộp kèm bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho Phòng Đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới.

3. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng



ký kinh doanh và đăng ký thuế, doanh nghiệp có thể nộp Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế; hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế để được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới trong thời hạn hai ngày làm việc.

Mẫu Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI-5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

1. Doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục III-10 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để chuyển thông tin sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế, đồng thời lưu Thông báo vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Chương IV

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ

Điều 18. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử

1. Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Để thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi chung là người thành lập doanh nghiệp) truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, điền đầy đủ và chính xác các thông tin theo yêu cầu. Thông



qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (sau đây gọi tắt là Hệ thống) tiếp nhận hồ sơ đăng ký điện tử và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh sẽ xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

3. Hồ sơ đăng ký điện tử được gửi qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được coi là đã gửi thành công khi máy chủ của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nhận được.

4. Thời gian gửi, nhận các văn bản điện tử trong hồ sơ đăng ký điện tử được xác định căn cứ theo thời gian ghi lại trên máy chủ của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

5. Doanh nghiệp có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký, trả phí để nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ chuyển phát.

6. Quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được áp dụng đối với các trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Điều 19. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp đã có chữ ký điện tử

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp có chữ ký điện tử thì việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được thực hiện như sau:

1. Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký điện tử qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Khi hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu theo quy định, thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ và người thành lập doanh nghiệp nhận được Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.



3. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và gửi đến địa chỉ thư điện tử của người thành lập doanh nghiệp đã đăng ký với Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

4. Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp và xác nhận về việc người thành lập doanh nghiệp đã nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

Điều 20. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp chưa có chữ ký điện tử

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp chưa có chữ ký điện tử thì việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được thực hiện như sau:

1. Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký điện tử qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và gửi đến địa chỉ thư điện tử của người thành lập doanh nghiệp đã đăng ký với Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ và được chấp thuận trên Hệ thống, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan Thuế đề nghị tạo mã số cho doanh nghiệp và gửi qua Hệ thống cho người thành lập doanh nghiệp Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-4 ban hành kèm theo Thông tư này. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên vào Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

3. Người thành lập doanh nghiệp gửi Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy xác



nhận nộp hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan đăng ký kinh doanh chưa nhận được hồ sơ do doanh nghiệp gửi đến thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử không còn hiệu lực và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong Hệ thống.

4. Khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy do doanh nghiệp gửi đến, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu với thông tin doanh nghiệp đã khai trên Hệ thống và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung thông tin thống nhất.

Chương V

ĐĂNG KÝ BỔ SUNG THÔNG TIN, TẠM NGỪNG KINH DOANH, GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP, THU HỒI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 21. Bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung, thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, trao Giấy biên nhận và thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Mỗi lần cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc trường hợp này được coi là một lần đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải nộp lệ phí.

Điều 22. Bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung thông tin vào hồ sơ của doanh nghiệp và cập nhật thông tin vào Hệ thống. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải trả phí.

Điều 23. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Đối với hành vi vi phạm của doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp nhận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Trước khi ra thông báo về hành vi vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong trường hợp cần thiết, Phòng Đăng ký kinh doanh có thể mời đại diện Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan như cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở quản lý ngành,... tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

3. Thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh về hành vi vi phạm của doanh nghiệp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP phải được gửi đến địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và phương tiện thông tin đại chúng địa phương.

Điều 24. Xử lý đối với trường hợp kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sau thời hạn hẹn trong thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh mà doanh nghiệp không nộp hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp.



Điều 25. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Các trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do mất, thất lạc, cháy, bị tiêu hủy được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 26. Trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp

1. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể doanh nghiệp và thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh nếu cơ quan thuế và cơ quan công an không có yêu cầu khác.

Điều 27. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

1. Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Kèm theo Thông báo phải có Quyết định của Chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp



danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, nhập thông tin vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thu lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; xóa địa điểm kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đối với trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh.

Chương VI

ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 28. Đăng ký hộ kinh doanh

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Giấy Đề nghị đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP chỉ được quyền đăng ký một hộ kinh doanh trên phạm vi toàn quốc và được quyền góp vốn, mua cổ phần ở doanh nghiệp với tư cách cá nhân.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV-6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 29. Thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Phụ lục III-14 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khi thay đổi nội dung kinh doanh đã đăng ký, chủ hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ kinh doanh gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh tới cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký.



Khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 30. Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

1. Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, đồng thời thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện.

2. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 55 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục III-15, III-16 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 31. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

1. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp hộ kinh doanh không tiến hành hoạt động kinh doanh trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; ngừng hoạt động kinh doanh quá sáu tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đăng ký thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu đại diện hộ kinh doanh đến Cơ quan Đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp nhận thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa điểm kinh doanh sang quận, huyện, thị xã khác thì sau khi nhận được thông báo của hộ kinh doanh về việc chuyển địa điểm sang đơn vị cấp huyện khác, Cơ quan Đăng ký kinh doanh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Trường hợp hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề bị cấm thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.



5. Trường hợp hộ kinh doanh được thành lập bởi những người không được quyền thành lập hộ kinh doanh sẽ bị xử lý theo một trong các trường hợp sau:

a) Nếu hộ kinh doanh do một cá nhân thành lập và cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Nếu hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập và một trong số cá nhân đó không được quyền thành lập hộ kinh doanh thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi cá nhân đó trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì Cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Thông báo về hành vi vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

6. Thông báo về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V-10 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VI-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương VII

HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN, ĐỐI CHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ SAU KHI CHUYỂN ĐỔI DỮ LIỆU

Điều 32. Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị hiệu đính thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III-11 ban hành kèm theo Thông tư này yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận Giấy đề nghị, kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc cấp lại Giấy



chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của doanh nghiệp nếu thông tin trong thông báo của doanh nghiệp là chính xác.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc hiệu đính nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã nộp và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo. Khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ.

3. Nếu việc hiệu đính thông tin được thực hiện trong vòng năm ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và không tính là một lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Nếu việc hiệu đính thông tin được thực hiện sau năm ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Phòng Đăng ký kinh doanh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp và việc hiệu đính được tính là một lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải nộp lệ phí cho việc hiệu đính thông tin.

Điều 33. Bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

1. Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác do quá trình chuyển đổi dữ liệu, doanh nghiệp gửi Thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để bổ sung hoặc hiệu đính thông tin. Kèm theo Thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy



chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính có trách nhiệm bổ sung hoặc hiệu đính thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác với Giấy chứng nhận bằng văn bản, trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi phát hiện, Phòng Đăng ký kinh doanh bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 34. Hướng dẫn xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp chưa đăng ký mã số thuế hoặc có thông tin sai khác giữa đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

1. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp sau khi được chuyển đổi và dữ liệu về đăng ký thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo cho từng doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp:

a) Đăng ký mã số thuế trong thời hạn ba mươi ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà chưa thực hiện việc đăng ký thuế. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu tại điểm này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

b) Báo cáo và thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày nhận được thông báo trong trường hợp nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp chưa thống nhất. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện theo yêu cầu tại điểm

này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được gửi đến địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ nhận thông báo thuế của doanh nghiệp và đăng trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chương VIII

CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 35. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp

1. Việc cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 31 và khoản 4 Điều 52 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

2. Khi giải quyết đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh ghi thông tin nội dung đăng ký doanh nghiệp vào sổ đăng ký kinh doanh lưu giữ tại Phòng Đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký doanh nghiệp có thể là những tệp tin điện tử.

Điều 36. Nội dung thông tin cung cấp

1. Các cá nhân, tổ chức có thể yêu cầu Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương và phải trả phí theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp được công bố công khai, miễn phí trên Cổng đăng ký kinh doanh quốc gia với bốn nội dung cơ bản: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật và ngành, nghề kinh doanh.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu các thông tin về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp ngoài thông tin cơ bản nêu trên phải trả lệ phí, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~10~~ tháng ~~7~~ năm 2010.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh; Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH.

Điều 38. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Đăng Công báo;
- Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VP, PTDN (7). *H210*


BỘ TRƯỞNG
Võ Hồng Phúc

**DANH MỤC CÁC MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

(bản kèm theo Thông tư số 44/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Mẫu giấy tờ	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)
I	Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh	
1	- Doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục I-1
2	- Công ty TNHH một thành viên	Phụ lục I-2
3	- Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục I-3
4	- Công ty cổ phần	Phụ lục I-4
5	- Công ty hợp danh	Phụ lục I-5
6	- Hộ kinh doanh	Phụ lục I-6
II	Các mẫu Danh sách	
7	- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục II-1
8	- Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Phụ lục II-2
9	- Danh sách thành viên công ty hợp danh	Phụ lục II-3
10	- Danh sách người đại diện theo ủy quyền	Phụ lục II-4
11	- Danh sách các cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh	Phụ lục II-5
III	Thông báo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh	
12	- Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục III-1
13	- Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Phụ lục III-2
14	- Thông báo chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục III-3
15	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục III-4
16	- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	Phụ lục III-5
17	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục III-6
18	- Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục III-7
19	- Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên	Phụ lục III-8
20	- Thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục III-9
21	- Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế	Phụ lục III-10
22	- Giấy đề nghị hiệu đính thông tin	Phụ lục III-11

23	- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp	Phụ lục III-12
24	- Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp	Phụ lục III-13
25	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký của hộ kinh doanh	Phụ lục III-14
26	- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	Phụ lục III-15
27	- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phụ lục III-16
IV	Các mẫu Giấy chứng nhận	
28	- Doanh nghiệp tư nhân	Phụ lục IV-1
29	- Công ty TNHH một thành viên	Phụ lục IV-2
30	- Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phụ lục IV-3
31	- Công ty cổ phần	Phụ lục IV-4
32	- Công ty hợp danh	Phụ lục IV-5
33	- Hộ kinh doanh	Phụ lục IV-6
34	- Chi nhánh, văn phòng đại diện	Phụ lục IV-7
V	Thông báo của Cơ quan Đăng ký kinh doanh	
35	- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-1
36	- Thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục V-2
37	- Thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh	Phụ lục V-3
38	- Thông báo về việc kiểm tra thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Phụ lục V-4
39	- Thông báo yêu cầu doanh nghiệp đăng ký mã số thuế	Phụ lục V-5
40	- Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	Phụ lục V-6
41	- Thông báo về việc đăng ký giải thể của doanh nghiệp	Phụ lục V-7
42	- Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể	Phụ lục V-8
43	- Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục V-9
44	- Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục V-10
VI	Các mẫu khác	
45	- Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục VI-1
46	- Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VI-2
47	- Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của CN, VPĐD	Phụ lục VI-3
48	- Giấy xác nhận nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử	Phụ lục VI-4

49	- Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Phụ lục VI-5
50	- Giấy biên nhận	Phụ lục VI-6
VI. Phụ lục khác		
51	- Bảng chữ cái sử dụng trong đặt tên doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hộ kinh doanh	Phụ lục VII-1
52	- Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hộ kinh doanh	Phụ lục VII-2
53	- Hướng dẫn về (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục VII-3

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn đầu tư ban đầu:

Tổng số (*bằng số; VNĐ*):

Trong đó:

- Tiền Việt Nam:

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:

- Vàng:

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật:

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*):

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động (dự kiến):
7	Đăng ký xuất khẩu (Có/Không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:

9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table> <tr><td>Giá trị gia tăng</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Tiêu thụ đặc biệt</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Thuế xuất, nhập khẩu</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Tài nguyên</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Thu nhập doanh nghiệp</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Môn bài</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Tiền thuê đất</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Phí, lệ phí</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Thu nhập cá nhân</td><td>☐</td></tr> <tr><td>Khác</td><td>☐</td></tr> </table>	Giá trị gia tăng	☐	Tiêu thụ đặc biệt	☐	Thuế xuất, nhập khẩu	☐	Tài nguyên	☐	Thu nhập doanh nghiệp	☐	Môn bài	☐	Tiền thuê đất	☐	Phí, lệ phí	☐	Thu nhập cá nhân	☐	Khác	☐
Giá trị gia tăng	☐																				
Tiêu thụ đặc biệt	☐																				
Thuế xuất, nhập khẩu	☐																				
Tài nguyên	☐																				
Thu nhập doanh nghiệp	☐																				
Môn bài	☐																				
Tiền thuê đất	☐																				
Phí, lệ phí	☐																				
Thu nhập cá nhân	☐																				
Khác	☐																				
10	Ngành, nghề kinh doanh chính¹:																				

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh khác, không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....



Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu nếu có): Gửi kèm

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên

☐

Chủ tịch công ty

☐

6. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)

6	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
7	Đăng ký xuất khẩu (<i>Có/Không</i>):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Giá trị gia tăng Tiêu thụ đặc biệt Thuế xuất, nhập khẩu Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp*):

i) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số
 doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA CÔNG TY**
 (Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
 -.....
 -.....

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

8. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:

3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động (dự kiến):
7	Đăng ký xuất khẩu (Có/Không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách thành viên công ty;

.....

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

**Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật
với các nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Tổng số cổ phần:

Mệnh giá cổ phần:

6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

9. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có) : Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....

4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... <i>(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>
6	Tổng số lao động (dự kiến):
7	Đăng ký xuất khẩu (Có/Không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

11. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	☐
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	☐
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	☐

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

8. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....

4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6	Tổng số lao động (dự kiến):
7	Đăng ký xuất khẩu (Có/Không):
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng ☐ Tiêu thụ đặc biệt ☐ Thuế xuất, nhập khẩu ☐ Tài nguyên ☐ Thu nhập doanh nghiệp ☐ Môn bài ☐ Tiền thuê đất ☐ Phí, lệ phí ☐ Thu nhập cá nhân ☐ Khác ☐
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trú sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Ký và ghi họ tên từng thành viên)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách thành viên công ty;

-.....

-.....

Phụ lục 1-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../.... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký hộ kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:**4. Vốn kinh doanh:**

Tổng số (bằng số; VNĐ):

Phần vốn góp của mỗi cá nhân (đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân góp vốn thành lập; kê khai theo mẫu): Gửi kèm

Tôi và các cá nhân tham gia thành lập hộ kinh doanh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....



Phụ lục II-1

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú ³
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁴¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

-Tiền Việt Nam

-Ngoại tệ tự do chuyển đổi

-Vàng

-Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

-Tài sản khác

³ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.⁴ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp										Chữ ký của cổ đông sáng lập	Ghi chú
									Tổng số cổ phần ¹		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn		
												Phổ thông								
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.

² Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú ²
										Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A.Thành viên hợp danh													
	B.Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

² Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục II-4
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú ¹
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

² Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục II-5

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP HỘ KINH DOANH

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng cá nhân.² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

Phụ lục III-1

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):****2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
2	Ngày bắt đầu hoạt động (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
3	Hình thức hạch toán (<i>Đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
6	Đăng ký xuất khẩu (<i>Có/Không</i>):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:

8	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table> <tr> <td>Giá trị gia tăng</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ đặc biệt</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Thuế xuất, nhập khẩu</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Tài nguyên</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Thu nhập doanh nghiệp</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Môn bài</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Tiền thuê đất</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Phí, lệ phí</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Thu nhập cá nhân</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Khác</td> <td>☐</td> </tr> </table>	Giá trị gia tăng	☐	Tiêu thụ đặc biệt	☐	Thuế xuất, nhập khẩu	☐	Tài nguyên	☐	Thu nhập doanh nghiệp	☐	Môn bài	☐	Tiền thuê đất	☐	Phí, lệ phí	☐	Thu nhập cá nhân	☐	Khác	☐
Giá trị gia tăng	☐																				
Tiêu thụ đặc biệt	☐																				
Thuế xuất, nhập khẩu	☐																				
Tài nguyên	☐																				
Thu nhập doanh nghiệp	☐																				
Môn bài	☐																				
Tiền thuê đất	☐																				
Phí, lệ phí	☐																				
Thu nhập cá nhân	☐																				
Khác	☐																				
9	Ngành, nghề kinh doanh/Nội dung hoạt động chính¹:																				

Doanh nghiệp cam kết:

- Trữ sở chỉ nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
 -.....
 -.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA DOANH NGHIỆP**
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại mục 3 dự kiến là nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.

Phụ lục III-2

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**V/v lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):**Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài
như sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):****2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**
.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*):

..... cấp ngày:/...../.....

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh*):b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):**5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:**Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Phụ lục III-3

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/****địa điểm kinh doanh sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):**

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Do Phòng Đăng ký kinh doanh: cấp ngày:/...../.....

Doanh nghiệp cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

.....

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục III-4

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in
hoa*):Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc Mã số thuế
của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
(*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):**Nội dung đăng ký thay đổi:**

.....

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục III-5
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):**Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:****1. Người đại diện theo pháp luật hiện tại:**Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

2. Người đại diện theo pháp luật dự kiến:Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ¹**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Chức danh cụ thể của người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.



Phụ lục III-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Đánh dấu X vào nội dung dự kiến thay đổi)¹

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	☐
- Địa chỉ trụ sở chính	☐
- Ngành, nghề kinh doanh	☐
- Người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên, thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, thành viên công ty hợp danh, cổ đông sáng lập công ty cổ phần	☐
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty	☐

¹ Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi và gửi kèm.

Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

www.LuatVietnam.vn

Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính

1. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật¹

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Ngày hết hạn:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

¹ Chỉ kê khai trong trường hợp chuyển trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

www.LuatVietnam.vn

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên/
thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/ thành viên công ty hợp
danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần**

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo ủy quyền: kê khai theo Danh sách người đại diện theo ủy quyền mới mẫu quy định tại Phụ lục II-4.

2. Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục II-1 hoặc Phụ lục II-3 các nội dung: giá trị vốn góp, phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thành viên mới.

3. Trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục II-2 các nội dung: phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; thông tin về người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập.

Đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ vốn đại diện

1. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty:

Vốn đầu tư/ vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn đầu tư/vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

(Kê khai tỷ lệ vốn góp dự kiến thay đổi của thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên/thành viên công ty hợp danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục II-1, Phụ lục II-2, Phụ lục II-3)

3. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn đại diện

(Kê khai tỷ lệ vốn đại diện dự kiến thay đổi của người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH 1 thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II-4)

www.LuatVietnam.vn

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục III-7

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**THAY ĐỔI CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):**Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:**Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (*Chọn một trong các trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân*)

Tặng cho DNTN

☐

Chủ doanh nghiệp chết, mất tích

☐

Bán doanh nghiệp tư nhân

☐**1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán**Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:



Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại (*trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này*):

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO /
NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI MUA**
(Ký, ghi họ tên)

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN¹
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ kèm theo:

- Hợp đồng tặng cho doanh nghiệp;
- Giấy chứng từ/Tuyên bố mất tích;
- Giấy kê khai di sản thừa kế;
-

¹ Trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tư nhân phải ký, ghi họ tên và đóng dấu.

Phụ lục III-8
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN DOANH NGHIỆP
 Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ và tên chủ sở hữu hiện tại (ghi bằng chữ in hoa):

.....Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Họ và tên chủ sở hữu mới (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính: ...

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

Tên chủ sở hữu hiện tại (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Tên chủ sở hữu mới (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:



Tỉnh/Thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X):

Hội đồng thành viên

☐

Chủ tịch công ty

☐

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
 THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ
 HỮU MỚI**
 (Ký, ghi họ tên)

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
 THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ
 HỮU CŨ**
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

Phụ lục III-9

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**THAY ĐỔI THÔNG TIN TRONG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP¹**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thay đổi các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 21, 22 Thông tư này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục III-10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế như sau¹:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại: Họ và tên Kế toán trưởng: Điện thoại:
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố trực thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
3	Hình thức hạch toán (Đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập ☐ Hạch toán phụ thuộc ☐

¹ Chỉ kê khai những thông tin dự kiến thay đổi.

4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
5	Tổng số lao động:
6	Đăng ký xuất khẩu:
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng: Tài khoản kho bạc:
8	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): Giá trị gia tăng Tiêu thụ đặc biệt Thuế xuất, nhập khẩu Tài nguyên Thu nhập doanh nghiệp Môn bài Tiền thuê đất Phí, lệ phí Thu nhập cá nhân Khác ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
9	Ngành, nghề kinh doanh chính ² :

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ đính kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

Phụ lục III-11

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện như sau:

Thông tin tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hiện nay là:

.....

Nay đề nghị hiệu đính như sau:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết:

- Thông tin yêu cầu hiệu đính phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện đã nộp;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Kèm theo Thông báo:

-.....

-.....

-.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-12

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh như sau:

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày..... tháng năm

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày tháng năm

Lý do tạm ngừng:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Kèm theo Thông báo:

-.....

-.....

-.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-13

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v giải thể doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Quyết định giải thể số:ngày / /

Lý do giải thể:

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Kèm theo Thông báo:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Phụ lục III-14

TÊN HỘ KINH DOANH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v thay đổi nội dung đăng ký của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện).....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....

.....

.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật của nội dung Thông báo này (*Trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải cam kết về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở dự định chuyển tới*).

Kèm theo Thông báo:

-
-
-

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH*(Ký, ghi họ tên)*

Phụ lục III-15

TÊN HỘ KINH DOANH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện).....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận hộ kinh doanh:.....

Do: cấp ngày:/...../.....

Địa điểm kinh doanh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

Thông báo tạm ngừng kinh doanh như sau:

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày..... tháng năm

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày tháng năm

Lý do tạm ngừng:

.....

.....

.....

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục III-16

TÊN HỘ KINH DOANH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**V/v chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp quận (huyện).....

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:

Do: cấp ngày: / /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày / /

Hộ kinh doanh cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH*(Ký, ghi họ tên)*

Kèm theo Thông báo:

-
-
-

Phụ lục IV-1

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:.....

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn đầu tư (bằng số; VND):.....

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu phải có vốn pháp định; bằng số; VND):

6. Chủ doanh nghiệp

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:

7. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh:

8. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:
 Địa chỉ văn phòng đại diện:
 Mã số văn phòng đại diện:

9. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:
 Địa chỉ địa điểm kinh doanh:
 Mã số địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN****Mã số doanh nghiệp:***Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....**Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....***1. Tên công ty**Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên công ty viết tắt (*nếu có*):**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):**5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):****6. Thông tin về chủ sở hữu****Đối với chủ sở hữu là cá nhân:**Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:

Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:
 Do: Cấp ngày: / /
 Địa chỉ trụ sở chính:

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:

8. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh:

9. Thông tin về văn phòng đại diện



Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

Phụ lục IV-3

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

9. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN****Mã số doanh nghiệp:***Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....**Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....***1. Tên công ty**Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên công ty viết tắt (*nếu có*):**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Mệnh giá cổ phần:

Tổng số cổ phần:

5. Số cổ phần được quyền chào bán:**6. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh yêu cầu phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*):**

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

8. Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc:Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

9. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

10. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

Phụ lục IV-5

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH**

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

5. Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ*):

6. Danh sách thành viên

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Loại thành viên (Hợp danh/góp vốn)

7. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

8. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Mã số văn phòng đại diện:

9. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Mã số địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp của doanh nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

Phụ lục IV-6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
TÊN CƠ QUAN ĐKKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH**

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

4. Vốn kinh doanh:

5. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh:

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

6. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh (nếu có)

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác)	Ghi chú

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

Phụ lục IV-7

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động

a. Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b. Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh trực thuộc (đối với chi nhánh, nếu có)

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Tên người đứng đầu	Mã số

6. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

Thông tin về cơ quan quản lý thuế trực tiếp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế (<http://www.gdt.gov.vn>).

Phụ lục V-1

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Phòng Đăng ký kinh doanh :

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ mã số:đã nhận ngày..... tháng năm

của Ông/Bà: là

về việc:

Phòng Đăng ký kinh doanh đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung
trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....
.....
.....

Ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo
yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục V-2

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... ..tháng... ..năm.....

THÔNG BÁO**V/v vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệpKính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số của
..... ngày / / về việc:
Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo nội dung vi phạm của *(ghi tên doanh nghiệp)*
.....
như sau:
Phòng Đăng ký kinh doanh yêu cầu *(ghi tên doanh nghiệp, thực hiện các nội*
dung theo từng trường hợp quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP)
Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau ngày *(theo từng trường hợp quy định tại*
Điều 60 Nghị định 43/2010/NĐ-CP), kể từ ngày
.....(nếu)/.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục thuế tỉnh/thành phố;
- Chi cục Quản lý thị trường;
- Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục V-3

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh**Kính gửi: *(Tên và địa chỉ trụ sở chính doanh nghiệp)*

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh với các nội dung sau:

.....

.....

.....

Trong thời hạnngày kể từ ngày/...../....., nếu Phòng Đăng ký kinh doanh.....không nhận được báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu tại Thông báo này thì doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục V-4

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v kiểm tra thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế**Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Căn cứ quy định tại Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm những nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Thông tin đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký thuế của doanh nghiệp sẽ được hợp nhất và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin này có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp về độ đầy đủ và chính xác của các thông tin về doanh nghiệp,

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đề nghị doanh nghiệp kiểm tra, đính chính hoặc bổ sung các thông tin đã đăng ký sau:

Thông tin đăng ký kinh doanh	Thông tin đăng ký thuế
1. Đối với doanh nghiệp	1. Đối với doanh nghiệp
Tên doanh nghiệp	Tên doanh nghiệp
Mã số doanh nghiệp	Mã số thuế



Tên người đại diện theo pháp luật		Tên người đại diện theo pháp luật	
Địa chỉ trụ sở chính		Địa chỉ trụ sở chính	
		Tình trạng mã số thuế	
2. Các chi nhánh của doanh nghiệp		2. Các chi nhánh của doanh nghiệp	
1	Tên chi nhánh	Tên chi nhánh	
	Mã số đăng ký chi nhánh	Mã số thuế của chi nhánh	
	Địa chỉ chi nhánh	Địa chỉ chi nhánh	
		Tình trạng mã số thuế	
2	Tên chi nhánh	Tên chi nhánh	
	Mã số đăng ký chi nhánh	Mã số thuế của chi nhánh	
	Địa chỉ chi nhánh	Địa chỉ chi nhánh	
		Tình trạng mã số thuế	
n	Tên chi nhánh	Tên chi nhánh	
	Mã số đăng ký chi nhánh	Mã số thuế của chi nhánh	
	Địa chỉ chi nhánh	Địa chỉ chi nhánh	
		Tình trạng mã số thuế	
3. Các văn phòng đại diện của doanh nghiệp		3. Các văn phòng đại diện của doanh nghiệp	
1	Tên văn phòng đại diện	Tên văn phòng đại diện	
	Mã số của văn phòng đại diện	Mã số thuế của văn phòng đại diện	
	Địa chỉ văn phòng đại diện	Địa chỉ văn phòng đại diện	
		Tình trạng mã số thuế	
2	Tên văn phòng đại diện	Tên văn phòng đại diện	

n	Mã số của văn phòng đại diện	Mã số thuế của văn phòng đại diện
	Địa chỉ văn phòng đại diện	Địa chỉ văn phòng đại diện
		Tình trạng mã số thuế
	Tên văn phòng đại diện	Tên văn phòng đại diện
n	Mã số của văn phòng đại diện	Mã số thuế của văn phòng đại diện
	Địa chỉ văn phòng đại diện	Địa chỉ văn phòng đại diện
		Tình trạng mã số thuế

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi thông tin chính xác về doanh nghiệp tới Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn một tháng kể từ ngày ký thông báo này. Quá thời hạn trên, nếu Phòng Đăng ký kinh doanh..... không nhận được Văn bản phúc đáp của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai.

Đối với các doanh nghiệp có thông tin đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký thuế chưa chính xác, doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan Thuế;
- Lưu:

Phụ lục V-5
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu doanh nghiệp đăng ký mã số thuế

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

- Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Doanh nghiệp về nghĩa vụ đăng ký mã số thuế của doanh nghiệp;
- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đăng ký mã số thuế theo quy định của pháp luật.

Nếu quá thời hạn một năm, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp không thực hiện việc đăng ký mã số thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan Thuế;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**V/v yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh
ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số

- Căn cứ

Phòng Đăng ký doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Yêu cầu (tên doanh nghiệp):

..... tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

.....

.....

Doanh nghiệp chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành nghề kinh doanh nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp;

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



Phụ lục V-7
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày...tháng...năm....

THÔNG BÁO
V/v đăng ký giải thể của doanh nghiệp

Kính gửi: - Công an tỉnh, thành phố.....
 - Cục Thuế tỉnh, thành phố.....

Ngày/...../..... Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính:, do Ông/bà: là người đại diện theo pháp luật.

Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo và đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc giải thể của doanh nghiệp trên trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo này. Quá thời hạn trên, nếu không nhận được ý kiến của Quý cơ quan, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ tiến hành thủ tục thụ lý hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP...
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
V/v doanh nghiệp giải thể

Kính gửi: - Công an tỉnh, thành phố.....
- Cục Thuế tỉnh, thành phố.....

Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp
.....,
mã số doanh nghiệp
địa chỉ trụ sở chính:
do Ông/bà: là người đại diện
theo pháp luật.

Căn cứ quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký
kinh doanh đã tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp và thông báo với Quý cơ
quan kể từ ngày...../...../.....doanh nghiệp trên đã bị xóa tên trong sổ đăng ký kinh
doanh.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục V-9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN...
TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**V/v sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh**Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng năm của Ông/Bà:

.....

là

về việc:

.....

.....

Cơ quan đăng ký kinh doanh đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung
 trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

.....

.....

Ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo
 yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục V-10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**V/v vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**

Kính gửi: (Tên hộ kinh doanh)

Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số của
..... ngày / / về việc:

.....,
Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo nội dung vi phạm của hộ kinh doanh
.....
như sau:

.....
.....

Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh sau mười ngày kể từ ngày ký Thông
báo này.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Thuế;
- Cơ quan Quản lý thị trường cấp huyện;
- Lưu:

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp****TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông báo số
- Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Do: Cấp ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:



Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Điều 2: Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, doanh nghiệp phải tiến hành giải thể theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../..... các Ông/Bà

..... và

..... có trách nhiệm thi hành

Quyết định này.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ doanh nghiệp bị thu hồi GCNĐKDN;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;
- Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;
- Phòng Đăng ký kinh doanh các tỉnh, thành phố ...;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN**

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông báo số
- Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Do: Cấp ngày: / /

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:



Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là người đại diện Hộ kinh doanh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../..... các Ông/Bà

..... và

..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh của Hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD;
- Chi cục Thuế quận, huyện nơi hộ kinh doanh đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Cơ quan quản lý thị trường quận, huyện;
-;
- Lưu:

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI-3

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH/TP.. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện

TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

- Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số

- Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số/mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện):

Do: Cấp ngày:/...../.....

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Do: Cấp ngày:/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân số:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
 Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):
 Số giấy chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
 Là người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện.

Điều 2: (Tên doanh nghiệp) phải chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../..... (Tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi GCNĐKHĐ;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Phòng Đăng ký kinh doanh các tỉnh/thành phố;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN**NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ**

Phòng Đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày/...../..... Phòng Đăng ký kinh doanh đã nhận của Ông/Bà

.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp về việc

.....qua mạng điện tử.

Bộ hồ sơ gồm có:

-
-
-
-

Đề nghị người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và gửi Giấy này đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn mười năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy này để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Chữ ký đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp**
(Ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Trường hợp thành lập doanh nghiệp thì không phải đóng dấu,
 Trường hợp đã có chữ ký điện tử thì không phải ký vào Giấy này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục VI-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các giấy tờ gửi kèm:

- Bản chính Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc
Giấy chứng nhận ĐKKD và ĐKT;

-.....

-.....

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐKKD

Phụ lục VI-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
Mã hồ sơ:

....., ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN

Cơ quan đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

là

01 bộ hồ sơ số về việc

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

Cơ quan đăng ký kinh doanh hẹn Ông/Bà ngày / / liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI NHẬN

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI NỘP

(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục VII-1**BẢNG CHỮ CÁI SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP,
ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC CỦA DOANH NGHIỆP VÀ HỘ KINH DOANH**

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

Phụ lục VII-2

MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN DÙNG CHO ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

(ban hành kèm theo Thông tư số / 2010/TT-BKH ngày / /2010
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Chữ		Số	Chữ
1	2	3	1	2	3
01. Thành phố Hà Nội (10 quận, 1 thị xã, 19 huyện)	01		02. Thành phố Hải Phòng (6 quận, 8 huyện)	02	
Quận Ba Đình			Quận Hồng Bàng	02	A
Quận Tây Hồ	01	A	Quận Ngô Quyền	02	B
Quận Hoàn Kiếm	01	B	Quận Lê Chân	02	C
Quận Hai Bà Trưng	01	C	Quận Kiến An	02	D
Quận Đống Đa	01	D	Quận Đồ Sơn	02	E
Quận Thanh Xuân	01	E	Huyện Thủy Nguyên	02	F
Quận Cầu Giấy	01	F	Huyện An Dương	02	G
Huyện Sóc Sơn	01	G	Huyện An Lão	02	H
Huyện Đông Anh	01	H	Huyện Kiến Thụy	02	I
Huyện Gia Lâm	01	I	Huyện Tiên Lãng	02	J
Huyện Từ Liêm	01	J	Huyện Vĩnh Bảo	02	K
Huyện Thanh Trì	01	K	Huyện Cát Hải	02	L
Quận Hoàng Mai	01	L	Huyện Bạch Long Vĩ	02	M
Quận Long Biên	01	M	Quận Dương Kinh	02	N
Quận Hà Đông	01	N			
Thị xã Sơn Tây	01	O	04. Tỉnh Hải Dương	04	
Huyện Ba Vì	01	P	(1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)		
Huyện Phúc Thọ	01	Q	Thành phố Hải Dương		
Huyện Đan Phượng	01	R	Thị xã Chí Linh	04	A
Huyện Thạch Thất	01	S	Huyện Nam Sách	04	B
Huyện Hoài Đức	01	T	Huyện Thanh Hà	04	C
Huyện Quốc Oai	01	U	Huyện Kinh Môn	04	D
Huyện Chương Mỹ	01	V	Huyện Kim Thành	04	E
Huyện Thanh Oai	01	W	Huyện Gia Lộc	04	F
Huyện Thường Tín	01	X	Huyện Tứ Kỳ	04	G
Huyện Mỹ Đức	01	Y	Huyện Cẩm Giàng	04	H
Huyện Ứng Hoà	01	Z	Huyện Bình Giang	04	I
Huyện Phú Xuyên	01	a	Huyện Thanh Miện	04	J
Huyện Mê Linh	01	b	Huyện Ninh Giang	04	K
	01	c		04	L

05. Tỉnh Hưng Yên (1 thành phố, 9 huyện)	05		06. Tỉnh Hà Nam (1 thành phố, 5 huyện)	06	
Thành phố Hưng Yên	05	A	Thành phố Phủ Lý	06	A
Huyện Văn Lâm	05	B	Huyện Duy Tiên	06	B
Huyện Mỹ Hào	05	C	Huyện Kim Bảng	06	C
Huyện Yên Mỹ	05	D	Huyện Lý Nhân	06	D
Huyện Văn Giang	05	E	Huyện Thanh Liêm	06	E
Huyện Khoái Châu	05	F	Huyện Bình Lục	06	F
Huyện Ân Thi	05	G			
Huyện Kim Động	05	H			
Huyện Phù Cừ	05	I			
Huyện Tiên Lữ	05	J			
07. Tỉnh Nam Định (1 thành phố, 9 huyện)	07		08. Tỉnh Thái Bình (1 thành phố, 7 huyện)	08	
Thành phố Nam Định	07	A	Thành phố Thái Bình	08	A
Huyện Vụ Bản	07	B	Huyện Quỳnh Phụ	08	B
Huyện Mỹ Lộc	07	C	Huyện Hưng Hà	08	C
Huyện Ý Yên	07	D	Huyện Thái Thụy	08	D
Huyện Nam Trực	07	E	Huyện Đông Hưng	08	E
Huyện Trực Ninh	07	F	Huyện Vũ Thư	08	F
Huyện Xuân Trường	07	G	Huyện Kiến Xương	08	G
Huyện Giao Thủy	07	H	Huyện Tiền Hải	08	H
Huyện Nghĩa Hưng	07	I			
Huyện Hải Hậu	07	J			
09. Tỉnh Ninh Bình (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	09		10. Tỉnh Hà Giang (1 thành phố, 10 huyện)	10	
Thành phố Ninh Bình	09	A	Thành phố Hà Giang	10	A
Thị xã Tam Điệp	09	B	Huyện Đồng Văn	10	B
Huyện Nho Quan	09	C	Huyện Mèo Vạc	10	C
Huyện Gia Viễn	09	D	Huyện Yên Minh	10	D
Huyện Hoa Lư	09	E	Huyện Quản Bạ	10	E
Huyện Yên Mô	09	F	Huyện Bắc Mê	10	F
Huyện Yên Khánh	09	G	Huyện Hoàng Su Phì	10	G
Huyện Kim Sơn	09	H	Huyện Vị Xuyên	10	H
			Huyện Xin Mần	10	I
			Huyện Bắc Quang	10	J
			Huyện Quang Bình	10	K

11. Tỉnh Cao Bằng (1 thị xã, 12 huyện)	11		12. Tỉnh Lào Cai (1 thành phố, 8 huyện)	12	
Thị xã Cao Bằng	11	A	Thành phố Lào Cai	12	A
Huyện Bảo Lạc	11	B	Huyện Mường Khương	12	C
Huyện Bảo Lâm	11	C	Huyện Bát Xát	12	D
Huyện Hà Quảng	11	D	Huyện Si Ma Cai	12	E
Huyện Thông Nông	11	E	Huyện Bắc Hà	12	F
Huyện Trà Lĩnh	11	F	Huyện Bảo Thắng	12	G
Huyện Trùng Khánh	11	G	Huyện Sa Pa	12	H
Huyện Nguyên Bình	11	H	Huyện Bảo Yên	12	I
Huyện Hoà An	11	I	Huyện Văn Bàn	12	K
Huyện Quảng Uyên	11	J			
Huyện Hạ Lang	11	K			
Huyện Thạch An	11	L			
Huyện Phục Hoà	11	M			
13. Tỉnh Bắc Kạn (1 thị xã, 7 huyện)	13		14. Tỉnh Lạng Sơn (1 thành phố, 10 huyện)	14	
Thị xã Bắc Kạn	13	A	Thành phố Lạng Sơn	14	A
Huyện Ba Bể	13	B	Huyện Tràng Định	14	B
Huyện Ngân Sơn	13	C	Huyện Văn Lãng	14	C
Huyện Chợ Đồn	13	D	Huyện Bình Gia	14	D
Huyện Na Rì	13	E	Huyện Bắc Sơn	14	E
Huyện Bạch Thông	13	F	Huyện Văn Quan	14	F
Huyện Chợ Mới	13	G	Huyện Cao Lộc	14	G
Huyện Pắc Nặm	13	H	Huyện Lộc Bình	14	H
			Huyện Chi Lăng	14	I
			Huyện Đình Lập	14	J
			Huyện Hữu Lũng	14	K
15. Tỉnh Tuyên Quang (1 thị xã, 5 huyện)	15		16. Tỉnh Yên Bái (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	16	
Thị xã Tuyên Quang	15	A	Thành phố Yên Bái	16	A
Huyện Nà Hang	15	B	Thị xã Nghĩa Lộ	16	B
Huyện Chiêm Hoá	15	C	Huyện Lục Yên	16	C
Huyện Hàm Yên	15	D	Huyện Văn Yên	16	D
Huyện Yên Sơn	15	E	Huyện Mù Căng Chải	16	E
Huyện Sơn Dương	15	F	Huyện Trấn Yên	16	F
			Huyện Yên Bình	16	G
			Huyện Văn Chấn	16	H
			Huyện Trạm Tấu	16	I

17. Tỉnh Thái Nguyên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	17		18. Tỉnh Phú Thọ (1 thành phố, 1 thị xã, 11 huyện)	18	
Thành phố Thái Nguyên	17	A	Thành phố Việt Trì	18	A
Thị xã Sông Công	17	B	Thị xã Phú Thọ	18	B
Huyện Định Hoá	17	C	Huyện Đoan Hùng	18	C
Huyện Võ Nhai	17	D	Huyện Hạ Hoà	18	D
Huyện Phú Lương	17	E	Huyện Thanh Ba	18	E
Huyện Đồng Hỷ	17	F	Huyện Phù Ninh	18	F
Huyện Đại Từ	17	G	Huyện Lâm Thao	18	G
Huyện Phú Bình	17	H	Huyện Cẩm Khê	18	H
Huyện Phổ Yên	17	I	Huyện Yên Lập	18	I
			Huyện Tam Nông	18	J
			Huyện Thanh Thuỷ	18	K
			Huyện Thanh Sơn	18	L
			Huyện Tân Sơn	18	M
19. Tỉnh Vĩnh Phúc (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	19		20. Tỉnh Bắc Giang (1 thành phố, 9 huyện)	20	
Thành phố Vĩnh Yên	19	A	Thành phố Bắc Giang	20	A
Huyện Lập Thạch	19	B	Huyện Yên Thế	20	B
Huyện Tam Dương	19	C	Huyện Tân Yên	20	C
Huyện Bình Xuyên	19	D	Huyện Lục Ngạn	20	D
Huyện Vĩnh Tường	19	E	Huyện Hiệp Hoà	20	E
Huyện Yên Lạc	19	F	Huyện Lạng Giang	20	F
Thị xã Phúc Yên	19	H	Huyện Sơn Động	20	G
Huyện Tam Đảo	19	I	Huyện Lục Nam	20	H
Huyện Sông Lô	19	J	Huyện Việt Yên	20	I
			Huyện Yên Dũng	20	J
21. Tỉnh Bắc Ninh (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	21		22. Tỉnh Quảng Ninh (2 thành phố, 2 thị xã, 10 huyện)	22	
Thành phố Bắc Ninh	21	A	Thành phố Hạ Long	22	A
Huyện Yên Phong	21	B	Thị xã Cẩm Phả	22	B
Huyện Quế Võ	21	C	Thị xã Uông Bí	22	C
Huyện Tiên Du	21	D	Thành phố Móng Cái	22	D
Thị xã Từ Sơn	21	E	Huyện Bình Liêu	22	E
Huyện Thuận Thành	21	F	Huyện Hải Hà	22	F
Huyện Lương Tài	21	G	Huyện Đầm Hà	22	G
Huyện Gia Bình	21	H	Huyện Tiên Yên	22	H
			Huyện Ba Chẽ	22	I
			Huyện Vân Đồn	22	J
			Huyện Hoành Bồ	22	K
			Huyện Đông Triều	22	L
			Huyện Cô Tô	22	M
			Huyện Yên Hưng	22	N

23. Tỉnh Lai Châu (1 thị xã, 5 huyện)	23		24. Tỉnh Sơn La (1 thành phố, 10 huyện)	24	
Huyện Tam Đường	23	A	Thành phố Sơn La	24	A
Huyện Phong Thổ	23	B	Huyện Quỳnh Nhai	24	B
Huyện Mường Tè	23	C	Huyện Mường La	24	C
Huyện Sìn Hồ	23	D	Huyện Thuận Châu	24	D
Huyện Than Uyên	23	E	Huyện Bắc Yên	24	E
Thị xã Lai Châu	23	F	Huyện Phù Yên	24	F
Huyện Tân Uyên	23	E	Huyện Mai Sơn	24	G
			Huyện Sông Mã	24	H
			Huyện Yên Châu	24	I
			Huyện Mộc Châu	24	J
			Huyện Sốp Cộp	24	K
25. Tỉnh Hoà Bình (1 thành phố, 10 huyện)	25		26. Tỉnh Thanh Hoá (1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện)	26	
Thành phố Hoà Bình	25	A	Thành phố Thanh Hoá		
Huyện Đà Bắc	25	B	Thị xã Bỉm Sơn	26	A
Huyện Mai Châu	25	C	Thị xã Sầm Sơn	26	B
Huyện Kỳ Sơn	25	D	Huyện Mường Lát	26	C
Huyện Lương Sơn	25	E	Huyện Quan Hoá	26	D
Huyện Kim Bôi	25	F	Huyện Quan Sơn	26	E
Huyện Tân Lạc	25	G	Huyện Bá Thước	26	F
Huyện Lạc Sơn	25	H	Huyện Cẩm Thủy	26	G
Huyện Lạc Thuỷ	25	I	Huyện Lang Chánh	26	H
Huyện Yên Thủy	25	J	Huyện Thạch Thành	26	I
Huyện Cao Phong	25	K	Huyện Ngọc Lặc	26	J
			Huyện Thường Xuân	26	K
			Huyện Như Xuân	26	L
			Huyện Như Thanh	26	M
			Huyện Vĩnh Lộc	26	N
			Huyện Hà Trung	26	O
			Huyện Nga Sơn	26	P
			Huyện Yên Định	26	Q
			Huyện Thọ Xuân	26	R
			Huyện Hậu Lộc	26	S
			Huyện Thiệu Hoá	26	T
			Huyện Hoằng Hoá	26	U
			Huyện Đông Sơn	26	V
			Huyện Triệu Sơn	26	W
			Huyện Quảng Xương	26	X
			Huyện Nông Cống	26	Y
			Huyện Tĩnh Gia	26	Z
				26	A

27. Tỉnh Nghệ An (1 thành phố, 2 thị xã, 17 huyện)	27		28. Tỉnh Hà Tĩnh (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)	28	
Thành phố Vinh	27	A	Thành phố Hà Tĩnh	28	A
Thị xã Cửa Lò	27	B	Thị xã Hồng Lĩnh	28	B
Huyện Quế Phong	27	C	Huyện Nghi Xuân	28	C
Huyện Quỳnh Châu	27	D	Huyện Đức Thọ	28	D
Huyện Kỳ Sơn	27	E	Huyện Hương Sơn	28	E
Huyện Quỳnh Hợp	27	F	Huyện Vũ Quang	28	F
Huyện Nghĩa Đàn	27	G	Huyện Can Lộc	28	G
Huyện Tương Dương	27	H	Huyện Thạch Hà	28	H
Huyện Quỳnh Lưu	27	I	Huyện Cẩm Xuyên	28	I
Huyện Tân Kỳ	27	J	Huyện Hương Khê	28	J
Huyện Con Cuông	27	K	Huyện Kỳ Anh	28	K
Huyện Yên Thành	27	L	Huyện Lộc Hà	28	L
Huyện Diễn Châu	27	M			
Huyện Anh Sơn	27	N			
Huyện Đô Lương	27	O			
Huyện Thanh Chương	27	P			
Huyện Nghi Lộc	27	Q			
Huyện Nam Đàn	27	R			
Huyện Hưng Nguyên	27	S			
Thị xã Thái Hòa	27				
29. Tỉnh Quảng Bình (1 thành phố, 6 huyện)	29		30. Tỉnh Quảng Trị (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	30	
Thành phố Đồng Hới	29	A	Thành phố Đông Hà	30	A
Huyện Tuyên Hoá	29	B	Thị xã Quảng Trị	30	B
Huyện Minh Hoá	29	C	Huyện Vĩnh Linh	30	C
Huyện Quảng Trạch	29	D	Huyện Gio Linh	30	D
Huyện Bố Trạch	29	E	Huyện Cam Lộ	30	E
Huyện Quảng Ninh	29	F	Huyện Triệu Phong	30	F
Huyện Lệ Thủy	29	G	Huyện Hải Lăng	30	G
			Huyện Hướng Hoá	30	H
			Huyện Đa Krông	30	I
			Huyện đảo Cồn Cỏ	30	J

31. Tỉnh Thừa Thiên - Huế (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	31		32. Thành phố Đà Nẵng (6 quận, 2 huyện)	32	
Thành phố Huế			Quận Hải Châu	32	A
Huyện Phong Điền	31	A	Quận Thanh Khê	32	B
Huyện Quảng Điền	31	B	Quận Sơn Trà	32	C
Huyện Hương Trà	31	C	Quận Ngũ Hành Sơn	32	D
Huyện Phú Vang	31	D	Quận Liên Chiểu	32	E
Thị xã Hương Thủy	31	E	Huyện Hoà Vang	32	F
Huyện Phú Lộc	31	F	Huyện đảo Hoàng Sa	32	G
Huyện A Lưới	31	G	Quận Cẩm Lệ	32	H
Huyện Nam Đông	31	H			
	31	I			
33. Tỉnh Quảng Nam (2 thành phố, 16 huyện)	33		34. Tỉnh Quảng Ngãi (1 thành phố, 13 huyện)	34	
Thành phố Tam Kỳ	33	A	Thành phố Quảng Ngãi	34	A
Thành phố Hội An	33	B	Huyện Lý Sơn	34	B
Huyện Đông Giang	33	C	Huyện Bình Sơn	34	C
Huyện Đại Lộc	33	D	Huyện Trà Bồng	34	D
Huyện Điện Bàn	33	E	Huyện Sơn Tịnh	34	E
Huyện Duy Xuyên	33	F	Huyện Sơn Tây	34	F
Huyện Nam Giang	33	G	Huyện Sơn Hà	34	G
Huyện Thăng Bình	33	H	Huyện Tư Nghĩa	34	H
Huyện Quế Sơn	33	I	Huyện Nghĩa Hành	34	I
Huyện Hiệp Đức	33	J	Huyện Minh Long	34	J
Huyện Tiên Phước	33	K	Huyện Mộ Đức	34	K
Huyện Phước Sơn	33	L	Huyện Đức Phổ	34	L
Huyện Núi Thành	33	M	Huyện Ba Tơ	34	M
Huyện Bắc Trà My	33	N	Huyện Tây Trà	34	N
Huyện Tây Giang	33	O			
Huyện Nam Trà My	33	P			
Huyện Phú Ninh	33	Q			
Huyện Nông Sơn	33	R			

35. Tỉnh Bình Định (1 thành phố, 10 huyện)	35		36. Tỉnh Phú Yên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	36	
Thành phố Quy Nhơn	35	A	Thành phố Tuy Hoà	36	A
Huyện An Lão	35	B	Huyện Đồng Xuân	36	B
Huyện Hoài Nhơn	35	C	Thị xã Sông Cầu	36	C
Huyện Hoài Ân	35	D	Huyện Tuy An	36	D
Huyện Phù Mỹ	35	E	Huyện Sơn Hoà	36	E
Huyện Vĩnh Thạnh	35	F	Huyện Tây Hoà	36	F
Huyện Phù Cát	35	G	Huyện Sông Hinh	36	G
Huyện Tây Sơn	35	H	Huyện Phú Hoà	36	H
Huyện An Nhơn	35	I	Huyện Đông Hòa	36	I
Huyện Tuy Phước	35	J			
Huyện Vân Canh	35	K			
37. Tỉnh Khánh Hoà (1 T. phố, 1 thị xã, 6 huyện)	37		38. Tỉnh Kon Tum (1 thành phố, 8 huyện)	38	
Thành phố Nha Trang			Thành phố Kon Tum	38	A
Thị xã Cam Ranh	37	A	Huyện Đắk Glei	38	B
Huyện Vạn Ninh	37	B	Huyện Ngọc Hồi	38	C
Huyện Ninh Hoà	37	C	Huyện Đắk Tô	38	D
Huyện Diên Khánh	37	D	Huyện Kon Plông	38	E
Huyện Khánh Vĩnh	37	E	Huyện Đắk Hà	38	F
Huyện Khánh Sơn	37	F	Huyện Sa Thầy	38	G
Huyện Trường Sa	37	G	Huyện Kon Rẫy	38	H
Huyện Cam Lâm	37	H	Huyện Tu Mơ Rông	38	I
	37	I			
39. Tỉnh Gia Lai (1 thành phố, 2 thị xã, 15 huyện)	39		40. Tỉnh Đắk Lắk (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)	40	
Thành phố Pleiku	39	A	Thành phố Buôn Ma Thuột	40	A
Huyện Kbang	39	B	Huyện Ea H'leo	40	B
Huyện Đắk Đoa	39	C	Huyện Ea Súp	40	C
Huyện Mang Yang	39	D	Huyện Krông Năng	40	D
Huyện Chư Păh	39	E	Huyện Krông Búk	40	E
Huyện Ia Grai	39	F	Huyện Buôn Đôn	40	F
Thị xã An Khê	39	G	Huyện Cư M'gar	40	G
Huyện Kông Chro	39	H	Huyện Ea Kar	40	H
Huyện Đức Cơ	39	I	Huyện M'Đrăk	40	I
Huyện Chư Prông	39	J	Huyện Krông Pắc	40	J
Huyện Chư Sê	39	K	Huyện Krông A Na	40	L
Thị xã Ayun Pa	39	L	Huyện Krông Bông	40	M
Huyện Krông Pa	39	M	Huyện Cư Kuin	40	N
Huyện Ia Pa	39	N	Thị xã Buôn Hồ	40	O
Huyện Đắk Pơ	39	O	Huyện Lắk	40	P
Huyện Phú Thiện	39	P			
Huyện Chư Pha	39	Q			
Huyện Chư Pưh	39	R			

41. TP Hồ Chí Minh (19 quận, 5 huyện)	41		42. Tỉnh Lâm Đồng (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)	42	
Quận 1	41	A	Thành phố Đà Lạt	42	A
Quận 2	41	B	Thị xã Bảo Lộc	42	B
Quận 3	41	C	Huyện Lạc Dương	42	C
Quận 4	41	D	Huyện Đơn Dương	42	D
Quận 5	41	E	Huyện Đức Trọng	42	E
Quận 6	41	F	Huyện Lâm Hà	42	F
Quận 7	41	G	Huyện Bảo Lâm	42	G
Quận 8	41	H	Huyện Di Linh	42	H
Quận 9	41	I	Huyện Đạ Huoai	42	I
Quận 10	41	J	Huyện Đạ Tẻh	42	J
Quận 11	41	K	Huyện Cát Tiên	42	K
Quận 12	41	L	Huyện Đam Rông	42	L
Quận Gò Vấp	41	M			
Quận Tân Bình	41	N			
Quận Bình Thạnh	41	O			
Quận Phú Nhuận	41	P			
Quận Thủ Đức	41	Q			
Huyện Củ Chi	41	R			
Huyện Hóc Môn	41	S			
Huyện Bình Chánh	41	T			
Huyện Nhà Bè	41	U			
Huyện Cần Giờ	41	V			
Quận Bình Tân	41	W			
Quận Tân Phú	41	X			
43. Tỉnh Ninh Thuận (1 thị xã, 5 huyện)	43		44. Tỉnh Bình Phước (3 thị xã, 6 huyện)	44	
Thị xã Phan Rang – Tháp Chàm	43	A	Thị xã Đồng Xoài	44	A
Huyện Ninh Sơn	43	B	Huyện Đồng Phú	44	B
Huyện Bác ái	43	C	Thị xã Phước Long	44	G
Huyện Ninh Hải	43	D	Huyện Lộc Ninh	44	D
Huyện Ninh Phước	43	E	Huyện Bù Đăng	44	E
Huyện Thuận Bắc	43	F	Thị xã Bình Long	44	I
			Huyện Bù Gia Mập	44	C
			Huyện Chơn Thành	44	H
			Huyện Hớn Quản	44	F

45. Tỉnh Tây Ninh (1 thị xã, 8 huyện)	45		46. Tỉnh Bình Dương (1 thị xã, 6 huyện)	46	
Thị xã Tây Ninh	45	A	Thị xã Thủ Dầu Một	46	A
Huyện Tân Biên	45	B	Huyện Dầu Tiếng	46	B
Huyện Tân Châu	45	C	Huyện Bến Cát	46	C
Huyện Dương Minh Châu	45	D	Huyện Phú Giáo	46	D
Huyện Châu Thành	45	E	Huyện Tân Uyên	46	E
Huyện Hoà Thành	45	F	Huyện Thuận An	46	F
Huyện Bến Cầu	45	G	Huyện Dĩ An	46	G
Huyện Gò Dầu	45	H			
Huyện Trảng Bàng	45	I			
47. Tỉnh Đồng Nai (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)	47		48. Tỉnh Bình Thuận (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	48	
Thành phố Biên Hoà	47	A	Thành phố Phan Thiết	48	A
Huyện Tân Phú	47	B	Huyện Tuy Phong	48	B
Huyện Định Quán	47	C	Huyện Bắc Bình	48	C
Huyện Vĩnh Cửu	47	D	Huyện Hàm Thuận Bắc	48	D
Huyện Thống Nhất	47	E	Huyện Hàm Thuận Nam	48	E
Thị xã Long Khánh	47	F	Huyện Tánh Linh	48	F
Huyện Xuân Lộc	47	G	Huyện Hàm Tân	48	G
Huyện Long Thành	47	H	Huyện Đức Linh	48	H
Huyện Nhơn Trạch	47	I	Huyện Phú Quý	48	I
Huyện Trảng Bom	47	J	Thị xã La Gi	48	J
Huyện Cẩm Mỹ	47	K			
49. Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	49		50. Tỉnh Long An (1 thành phố, 13 huyện)	50	
Thành phố Vũng Tàu			Thành phố Tân An	50	A
Thị xã Bà Rịa	49	A	Huyện Tân Hưng	50	B
Huyện Châu Đức	49	B	Huyện Vĩnh Hưng	50	C
Huyện Xuyên Mộc	49	C	Huyện Mộc Hoá	50	D
Huyện Tân Thành	49	D	Huyện Tân Thạnh	50	E
Huyện Long Điền	49	E	Huyện Thạnh Hoá	50	F
Huyện Côn Đảo	49	F	Huyện Đức Huệ	50	G
Huyện Đất Đỏ	49	G	Huyện Đức Hoà	50	H
	49	H	Huyện Bến Lức	50	I
			Huyện Thủ Thừa	50	J
			Huyện Châu Thành	50	K
			Huyện Tân Trụ	50	L
			Huyện Cần Đức	50	M
			Huyện Cần Giuộc	50	N

51. Tỉnh Đồng Tháp (1 thành phố, 2 thị xã, 9 huyện)	51		52. Tỉnh An Giang (1 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện)	52	
Thành phố Cao Lãnh	51	A	Thành phố Long Xuyên	52	A
Thị xã Sa Đéc	51	B	Thị xã Châu Đốc	52	B
Huyện Tân Hồng	51	C	Huyện An Phú	52	C
Huyện Hồng Ngự	51	D	Thị xã Tân Châu	52	D
Huyện Tam Nông	51	E	Huyện Phú Tân	52	E
Huyện Thanh Bình	51	F	Huyện Châu Phú	52	F
Huyện Tháp Mười	51	G	Huyện Tịnh Biên	52	G
Huyện Cao Lãnh	51	H	Huyện Tri Tôn	52	H
Huyện Lấp Vò	51	I	Huyện Chợ Mới	52	I
Huyện Lai Vung	51	J	Huyện Châu Thành	52	J
Huyện Châu Thành	51	K	Huyện Thoại Sơn	52	K
Thị xã Hồng Ngự	51	L			
53. Tỉnh Tiền Giang (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	53		54. Tỉnh Vĩnh Long (1 thành phố, 7 huyện)	54	
Thành phố Mỹ Tho	53	A	Thành phố Vĩnh Long	54	A
Thị xã Gò Công	53	B	Huyện Long Hồ	54	B
Huyện Tân Phước	53	C	Huyện Mang Thít	54	C
Huyện Châu Thành	53	D	Huyện Bình Minh	54	D
Huyện Cai Lậy	53	E	Huyện Tam Bình	54	E
Huyện Chợ Gạo	53	F	Huyện Trà Ôn	54	F
Huyện Cái Bè	53	G	Huyện Vũng Liêm	54	G
Huyện Gò Công Tây	53	H	Huyện Bình Tân	54	H
Huyện Gò Công Đông	53	I			
Huyện Tân Phú Đông	53	J			

55. Tỉnh Bến Tre (1 thành phố, 8 huyện)	55		56. Tỉnh Kiên Giang (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)	56	
Thành phố Bến Tre	55	A	Thành phố Rạch Giá	56	A
Huyện Châu Thành	55	B	Thị xã Hà Tiên	56	B
Huyện Chợ Lách	55	C	Huyện Kiên Lương	56	C
Huyện Mô Cày Bắc	55	D	Huyện Hòn Đất	56	D
Huyện Giồng Trôm	55	E	Huyện Tân Hiệp	56	E
Huyện Bình Đại	55	F	Huyện Châu Thành	56	F
Huyện Ba Tri	55	G	Huyện Giồng Giềng	56	G
Huyện Thạnh Phú	55	H	Huyện Gò Quao	56	H
Huyện Mô Cày Nam	55	I	Huyện An Biên	56	I
			Huyện An Minh	56	J
			Huyện Vĩnh Thuận	56	K
			Huyện Phú Quốc	56	L
			Huyện Kiên Hải	56	M
			Huyện U Minh Thượng	56	N
			Huyện Giang Thành	56	O
57. Thành phố Cần Thơ (5 quận, 4 huyện)	57		58. Tỉnh Trà Vinh (1 thị xã, 7 huyện)	58	
Quận Ninh Kiều	57	A	Thị xã Trà Vinh	58	A
Quận Bình Thủy	57	B	Huyện Càng Long	58	B
Quận Cái Răng	57	C	Huyện Châu Thành	58	C
Quận Ô Môn	57	E	Huyện Cầu Kè	58	D
Quận Thốt Nốt	57	F	Huyện Tiểu Cần	58	E
Huyện Cờ Đỏ	57	G	Huyện Cầu Ngang	58	F
Huyện Vĩnh Thạnh	57	H	Huyện Trà Cú	58	G
Huyện Phong Điền	57	I	Huyện Duyên Hải	58	H
Huyện Thới Lai	57	K			

59. Tỉnh Sóc Trăng (1 thị xã, 10 huyện)	59		60. Tỉnh Bạc Liêu (1 thị xã, 6 huyện)	60	
Thị xã Sóc Trăng	59	A	Thị xã Bạc Liêu	60	A
Huyện Kế Sách	59	B	Huyện Phước Long	60	B
Huyện Long Phú	59	C	Huyện Hồng Dân	60	C
Huyện Mỹ Tú	59	D	Huyện Vĩnh Lợi	60	D
Huyện Mỹ Xuyên	59	E	Huyện Giá Rai	60	E
Huyện Thạnh Trị	59	F	Huyện Đông Hải	60	F
Huyện Vĩnh Châu	59	G	Huyện Hòa Bình	60	G
Huyện Cù Lao Dung	59	H			
Huyện Ngã Năm	59	I			
Huyện Châu Thành	59	J			
Huyện Trần Đề	59	K			
61. Tỉnh Cà Mau (1 thành phố, 8 huyện)	61		62. Tỉnh Điện Biên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	62	
Thành phố Cà Mau	61	A	Thành phố Điện Biên Phủ	62	A
Huyện Thới Bình	61	B	Thị xã Mường Lay	62	B
Huyện U Minh	61	C	Huyện Mường Nhé	62	D
Huyện Trần Văn Thời	61	D	Huyện Tủa Chùa	62	E
Huyện Cái Nước	61	E	Huyện Tuần Giáo	62	F
Huyện Đầm Dơi	61	F	Huyện Điện Biên	62	G
Huyện Ngọc Hiển	61	G	Huyện Điện Biên Đông	62	H
Huyện Năm Căn	61	H	Huyện Mường Chà	62	I
Huyện Phú Tân	61	I	Huyện Mường Ảng	62	J
63. Tỉnh Đắk Nông (1 thị xã, 7 huyện)	63		64. Tỉnh Hậu Giang (2 thị xã, 5 huyện)	64	
Huyện Cư Jút	63	A	Thị xã Vị Thanh	64	A
Huyện Đắk Mil	63	B	Huyện Vị Thủy	64	B
Huyện Đắk Song	63	C	Huyện Long Mỹ	64	C
Huyện Đắk GLong	63	D	Huyện Châu Thành A	64	E
Huyện Đắk RLấp	63	E	Huyện Châu Thành	64	F
Huyện Krông Nô	63	F	Huyện Phụng Hiệp	64	G
Thị xã Gia Nghĩa	63	G	Thị xã Ngã Bảy	64	H
Huyện Tuy Đức	63	H			

Phụ lục VII-3
PHÔNG (FONT) CHỮ, CỖ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Tiêu đề	Times New Roman Times New Roman	13 13	Đậm và in hoa Đậm và in thường	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
2	Tên cơ quan cấp	Times New Roman Times New Roman	13 13	Thường và in hoa Đậm và in hoa	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3	Tên Giấy chứng nhận	Times New Roman	14	Đậm và in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN
4	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times New Roman	14	Thường	Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
5	Các nội dung của từng doanh nghiệp	Times New Roman Times New Roman Times New Roman	14 14 14	Đậm và in hoa Thường In hoa	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG TIẾN THÀNH Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội Họ và tên: NGUYỄN VĂN A
6	Thành viên công ty	Times New Roman	14	In hoa	NGUYỄN VĂN A
7	Chi nhánh, văn phòng đại diện	Times New Roman Times New Roman	14 14	In hoa Thường	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
8	Thẻ thức đề ký	Times New Roman	13	Đậm và in hoa	TRƯỞNG PHÒNG
9	Họ tên người ký	Times New Roman	13	Thường	Nguyễn Thuý Linh
10	Ngày cấp	Times New Roman	14	Thường và in nghiêng	<i>Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng..... năm</i> <i>Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày..... tháng..... năm.....</i>